

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu

2. Ông Nguyễn Đức Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 1995

Cư trú tại: Khu H, xã PL, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1993

Cư trú tại: Khu H, xã PL, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

(Chị L có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị Thùy L trình bày: Chị và anh Nguyễn Trung T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã PL) ngày 10/8/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống cùng bố mẹ chồng tại xã P. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lúc đó chị đang làm ở Công ty S, anh T làm ở nhà. Nguyên nhân mâu thuẫn là khi chị đi làm, anh T nghi ngờ chị có người khác, luôn không tin tưởng chị. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 8/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị L xác nhận vợ chồng có 02 con chung sinh đôi là Nguyễn Gia M và Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/02/2016, hiện nay cả hai cháu

đang ở với anh T. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Gia M, còn để anh T nuôi cháu B và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Trung T xác nhận việc kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là từ năm 2019 anh phát hiện ra chị L nhắn tin, chụp ảnh với người đàn ông khác, anh nói nhưng chị L không nhận nên vợ chồng cãi chửi nhau. Từ tháng 8/2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị L xin ly hôn, anh nhất trí.

- Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung sinh đôi là cháu Nguyễn Gia M và Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/02/2016, hiện nay cả hai cháu đang ở với anh. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy L và anh Nguyễn Trung T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Trung T giao cháu Nguyễn Gia M, sinh ngày 13/02/2016 cho chị Trần Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/02/2016. Chị L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L và anh T đều không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Thùy L cư trú tại xã PL, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung của vợ chồng với bị đơn là anh Nguyễn Trung T cư trú cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Trung T đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Thông theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy L và anh Nguyễn Trung T kết hôn với nhau vào năm 2015, trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn

nhân hợp pháp. Hai bên chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Từ tháng 8/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Việc chị L xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung sinh đôi là cháu Nguyễn Gia M và Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/02/2016, các cháu đều đang ở với anh T. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng đều có quyền, nghĩa vụ như nhau trong việc chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tuy anh T đang nuôi cả hai cháu, nhưng chị L cũng có đủ điều kiện nuôi con, chị L có chỗ ở và thu nhập ổn định. Do vậy sau khi ly hôn sẽ buộc anh T giao cho chị L nuôi dưỡng cháu M, còn anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L và anh T đều không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy L và anh Nguyễn Trung T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/02/2016 cho anh Nguyễn Trung T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Gia M, sinh ngày 13/02/2016 cho chị Trần Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị L và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thùy L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số: AA/2019/0004101 ngày 24/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Người phải thi hành án cố ý không chấp hành bản án, không tự nguyện thi hành các quyết định về thi hành án thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chị L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã PL;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Vũ Thường